

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 17/7/2018

“V/v Tranh chấp yêu cầu ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Huỳnh Tô Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Chiêu

Ông Trần Văn Phước

Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Văn Cung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 133/2018/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018 về việc “Tranh chấp yêu cầu ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Út E, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (*vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt*).

Bị đơn: Anh Đặng Văn M, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (*vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/5/2018 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Út E trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đặng Văn M cưới nhau năm 2001, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên nay chị yêu cầu ly hôn với anh Đặng Văn M.

Về con chung: Chị và anh M có hai người con chung tên Đặng Diễm H, sinh ngày 22/3/2004 và cháu Đặng Minh T, sinh ngày 26/9/2005, hiện tại hai người con đang sống chung với anh M, khi ly hôn chị để cho anh M tiếp tục nuôi hai người con chung, xin không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh M không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đặng Văn M trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Út E về thời gian cưới nhau và không có đăng ký kết hôn. Nay chị Út E yêu cầu ly hôn với anh thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh thống nhất anh và chị Út E có hai người con chung và hiện đang sống chung với anh. Khi ly hôn chị Út E để cho anh tiếp tục nuôi hai người con chung thì anh đồng ý, anh không yêu cầu chị Út E cấp dưỡng nuôi hai người con gì anh đủ điều kiện và khả năng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Út E là anh và chị Út E không có tài sản chung, không nợ chung ai và cũng không ai nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự gồm nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Chị Út E và anh M cùng thống nhất vợ chồng sống chung không đăng ký kết hôn (phù hợp với xác nhận ngày 28/6/2018 của UBND xã V, huyện P). Chị Út E yêu cầu ly hôn với anh M nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 luật Hôn nhân gia đình năm 2014 không công nhận chị Út E và anh M là vợ chồng. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Út E và anh M, tiếp tục giao cháu Đặng Diễm H, sinh ngày 22/3/2004 và cháu Đặng Minh T, sinh ngày 26/9/2005 cho anh M tiếp tục chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Do anh M không yêu cầu chị Út E cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự thống nhất không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Út E yêu cầu ly hôn với anh Đặng Văn M, anh M có địa chỉ tại ấp HI, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long theo

quy định tại Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Út E và anh Đặng Văn M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Út E và anh M là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Theo lời trình bày của chị Út E và anh M thống nhất anh, chị và tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2001, không có đăng ký kết hôn, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Chị Út E yêu cầu ly hôn với anh M, về phía anh M cũng đồng ý ly hôn với chị Út E. Tuy nhiên, tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện, việc kết hôn không được đăng ký thì không có giá trị pháp lý và tại Điều 14 quy định nam nữ có đủ điều kiện kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Từ đó căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình không công nhận chị Nguyễn Thị Út E và anh Đặng Văn M là vợ chồng.

[3] *Về quan hệ con chung*: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Út E và anh M. Giao cháu Đặng Diễm H, sinh ngày 22/3/2004 và cháu Đặng Minh T, sinh ngày 26/9/2005 cho anh M được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Chị Út E có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Do anh M không yêu cầu chị Út E cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí*: Buộc chị Út E phải nộp 300.000đ. Anh M không phải nộp án phí.

[6] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 9, Điều 14; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Út E và anh Đặng Văn M là vợ chồng.
2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Út E và anh M Giao cháu Đặng Diễm H, sinh ngày 22/3/2004 và cháu Đặng Minh T, sinh ngày

26/9/2005 cho anh M được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Chị Út E có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình chị Út E phải nộp 300.000đ, chị Út E đã dự nộp 300.000đ tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011689 ngày 11/5/2018 nên được chuyển thu án phí. Anh M không phải nộp án phí.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Huỳnh Tố Hiền